BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 1630 /BKHĐT-KTĐPLT V/v xây dựng chính sách đặc thù liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên theo kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2011 của Bộ Chính trị	*Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2013*

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Định

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên tại công văn số 4211/VPCP-ĐP ngày 11/6/2012, trong đó giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, các Bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, xác định làm rõ và đề xuất với Chính phủ ban hành bổ sung những cơ chế, chính sách để tạo thêm điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2012-2020 nhằm thực hiện Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2012 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có công văn số 4888/BKHĐT-KTĐPLT ngày 06/7/2012 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương liên quan:

- *Đối với các Bộ, ngành trung ương:* tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện những cơ chế, chính sách do cơ quan chủ trì/phụ trách đã và đang thực hiện trong giai đoạn từ 2001 đến nay nhằm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó nêu rõ những kết quả đạt được (điểm mạnh), những hạn chế (điểm yếu); đánh giá được phạm vi tác động (cả tích cực và tiêu cực) để từ đó làm cơ sở đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung nhằm hỗ trợ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2012-2020;

- *Đối với các địa phương trong vùng Tây Nguyên:*

(1) tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách do các cơ quan trung ương ban hành nhằm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị giai đoạn 2001-2012 trong đó nêu rõ những kết quả đạt được (điểm mạnh), những hạn chế (điểm yếu); đánh giá được phạm vi tác động (cả tích cực và tiêu cực);

(2) tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù do địa phương ban hành nhằm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị giai đoạn 2001-2012 trong đó nêu rõ những kết quả đạt được (điểm

mạnh), những hạn chế (điểm yếu); đánh giá được phạm vi tác động (cả tích cực và tiêu cực);

Trên cơ sở văn bản tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương liên quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù và ưu đãi phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2020 với những nguyên tắc chủ yếu sau:

1. Về định hướng phát triển vùng Tây Nguyên đến năm 2020:

- Định hướng phát triển theo đúng Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2012 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020;

- Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020.

2. Về việc xây dựng cơ chế, chính sách và ưu đãi đặc thù:

a. Kế thừa những cơ chế, chính sách và ưu đãi đã được ban hành, áp dụng hiệu quả trong thời gian qua trên địa bàn vùng Tây Nguyên tại:

(1) Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên giai đoạn 2001 - 2005;

(2) Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 5/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Một số giải pháp củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2002 - 2010;

(3) Quyết định số 226/2003/QĐ-TTg ngày 6/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay hình thức hỗ trợ hộ nghèo, đói, già làng trưởng bản có khó khăn, hộ gia đình có công với nước ở Tây Nguyên quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2001;

(4) Quyết định số 25/2004/QĐ-TTg ngày 27/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Phát triển hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên 2006-2010;

(5) Quyết định số 194/2005/QĐ-TTg ngày 04/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phương hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch khu vực miền Trung - Tây Nguyên;

(6) Quyết định số 231/2005/QĐ-TTg ngày 22/9/2005 về việc hỗ trợ doanh nghiệp nông, lâm nghiệp nhà nước, Ban Quản lý rừng đặc dụng, Ban

Quản lý rừng phòng hộ sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên;

(7) Quyết định số 1174/QĐ-TTg ngày 07/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên;

(8) Quyết định số 1544/2007/QĐ-TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng núi của các tỉnh thuộc miền Bắc và miền Trung, vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên theo chế độ cử tuyển;

(9) Quyết định số 304/2005/QĐ-TTG ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên;

(10) Quyết định số 166/2007/QĐ-TTg ngày 30/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư và hưởng lợi đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn và các tổ chức tham gia dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên;

(11) Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg ngày 05/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010;

(12) Quyết định số 113/2009/QĐ-TTg ngày 11/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: số 24/2008/QĐ-TTg; số 25/2008/QĐ-TTg; số 26/2008/QĐ-TTg và số 27/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Bắc trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu long, trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010;

(13) Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo nhất

b. Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh và đề xuất một số cơ chế, chính sách và ưu đãi đặc thù trên cơ sở kết quả thí điểm của một số chương trình, dự án (bao gồm cả các dự án ODA) gồm:

- Dự án phát triển lâm nghiệp bền vững do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ;

- Dự án phát triển cao su tiểu điền do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ;

- Các dự án phát triển lâm nghiệp dựa vào cộng đồng do các tổ chức song phương, NGO khác tài trợ (KWf, AFD...);

- Các dự án xóa đói, giảm nghèo do các tổ chức tài chính, Quỹ quốc tế tài trợ gồm: Giảm nghèo Miền trung (ADB), Phát triển sinh kế (IFAD, ADB, WB, UNICEF...)

Cụ thể nội dung một số cơ chế, chính sách và ưu đãi đặc thù như sau:

Stt	Một số cơ chế, chính sách và ưu đãi đã ban hành	Sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách và ưu đãi (dự thảo)
1	*Về phạm vi:*	
	Các tỉnh Tây Nguyên, các huyện miền núi giáp ranh Tây Nguyên	Các tỉnh Tây Nguyên, các đơn vị hành chính cấp huyện có địa giới hành chính tiếp giáp với một hoặc nhiều huyện thuộc các tỉnh vùng Tây Nguyên (không phân biệt huyện miền núi hay đồng bằng)
2.	*Về đối tượng áp dụng*	
	Chủ yếu là hỗ trợ các địa phương đầu tư hạ tầng, khu công nghiệp, phụ cấp cán bộ y tế, giáo viên, định mức tiêu hao vật tư y tế, tiền thuốc	Tổ chức, Doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, cá nhân và hộ gia đình (phụ thuộc từng cơ chế, chính sách và ưu đãi đặc thù)
3.	*Cơ chế, chính sách và ưu đãi cụ thể*	
	Hỗ trợ lãi suất theo quy định hiện hành từng đối tượng và địa bàn cụ thể	- Hỗ trợ lãi xuất vay đầu tư, phát triển thủy điện nhỏ, điện mặt trợ, điện chạy bằng sức gió, điện chạy bằng năng lượng tái tạo khác - Được sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế từ ngân sách Nhà nước thuộc chương trình khuyến công
	Hỗ trợ lãi suất theo quy định hiện hành từng đối tượng và địa bàn cụ thể	Hỗ trợ lãi xuất vay đầu tư, phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm áp dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam hoặc công nghệ sinh học

Stt	Một số cơ chế, chính sách và ưu đãi đã ban hành	Sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách và ưu đãi (dự thảo)
	Khuyến khích giao đất, giao rừng cho cộng đồng;	Khuyến khích giao đất, giao rừng cho cộng đồng; nâng mức hỗ trợ tiền khoán chăm sóc, bảo vệ rừng
		Nâng mức hỗ trợ phụ cấp kiêm nhiệm đối với 01 cán bộ xã tham gia phối hợp bảo vệ rừng
	Hỗ trợ lãi suất theo quy định hiện hành từng đối tượng và địa bàn cụ thể	Hỗ trợ lãi suất vay các tổ chức, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân đầu tư phát triển vùng, khu vực chăn nuôi tập trung gắn với thị trường
	Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng đất khai hoang, 5 triệu đồng đất phục hóa/ha	Nâng mức hỗ trợ hộ nghèo khai hoang, phục hóa lên 15 triệu đồng đất khai hoang, 10 triệu đồng đất phục hóa/ha, dạy nghề.
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (từ 50-100% tổng mức đầu tư/dự án đối với từng nguồn vốn hỗ trợ theo mục tiêu)	- Hỗ trợ 100% đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ theo mục tiêu; - Đối với các dự án có mức vốn đền bù, giải phóng mặt bằng lớn hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án, mức vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương không vượt quá 90% tổng mức đầu tư của dự án.
		Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cấp thôn, buôn, xã do cộng đồng, nhóm đồng sở thích là chủ đầu tư
	Hỗ trợ 100% vốn đối ứng các dự án ODA	Hỗ trợ 100% vốn đối ứng các dự án ODA
	Hỗ trợ vốn đảm bảo quy hoạch: nông thôn, cụm điểm dân cư, quy hoạch rừng sản xuất, phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội	Hỗ trợ vốn đảm bảo quy hoạch: nông thôn, cụm điểm dân cư, quy hoạch rừng sản xuất, phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội

c. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2014-2020 (ban hành theo điểm a, khoản 6, Điều 2 của dự thảo):

Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, quy hoạch phát triển ngành và lĩnh vực, mục tiêu cụ thể của từng tỉnh trong vùng Tây Nguyên và giáp ranh Tây Nguyên, đề nghị các địa phương xây dựng và đề xuất danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2014-2020 của vùng và của từng địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Để có cơ sở thực hiện những bước tiếp theo và trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Quý cơ quan có ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo *(gửi kèm công văn này)* và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất ngày 01/4/2013 để tổng hợp, nghiên cứu, sửa đổi và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, mọi thông tin cần thiết liên hệ Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ điện thoại: 080.44363.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTĐPLT, Tr 35.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thế Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: **407**/SY-UBND

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT, Ban Dân tộc tỉnh;
- CVP, PVPNN, K1, K11, K17;
- Lưu: VT (11b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2013

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Trương Thanh Kết

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2013/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày tháng năm 2013*

Dự thảo 1

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù và ưu đãi phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù và ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2020.

1. Phạm vi:

- Vùng Tây Nguyên gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Gia Lai và Lâm Đồng;

- Vùng giáp ranh Tây Nguyên gồm: các đơn vị hành chính cấp huyện có địa giới hành chính tiếp giáp với địa giới hành chính của một hoặc nhiều huyện thuộc các tỉnh vùng Tây Nguyên;

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, cá nhân và hộ gia đình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực theo quy định tại khoản 3, Điều này;

b) Hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia được Thủ tướng Chính phủ quyết định, đang cư trú tại địa phương nêu trên và có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, cá nhân và hộ gia đình:

a) Đầu tư xây dựng các công trình thuỷ điện nhỏ, điện mặt trời, điện chạy bằng sức gió, điện chay bằng năng lượng tái tạo khác để cung cấp cho

hộ gia đình, cụm dân cư vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn hoặc vùng chưa có điều kiện sử dụng điện lưới Quốc gia;

b) Đầu tư sản xuất, chế biến các sản phẩm áp dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam hoặc công nghệ sinh học gồm: sản phẩm nông nghiệp từ cà phê, ca cao, chè, cao su, hạt tiêu, bông, lạc, đậu nành, ngô lai, rau, hoa, quả, thịt, sữa, cá hồi, cá tầm; sản phẩm công nghiệp từ gỗ rừng trồng;

c) Trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển du lịch sinh thái;

d) Phát triển vùng, khu vực chăn nuôi tập trung gắn với thị trường.

4. Việc phát triển các lĩnh vực nêu trên phải theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Một số cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù

1. Các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân trực tiếp đầu tư, phát triển thuỷ điện nhỏ, điện mặt trời, điện chạy bằng sức gió, điện chay bằng năng lượng tái tạo khác để phục vụ sản xuất hoặc sinh hoạt quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 1 Quyết định này:

a) Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quy định. Những công trình, dự án thuộc chương trình khuyến công được sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế từ ngân sách Nhà nước để thực hiện;

b) Được hưởng các chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định hoặc được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay nhưng tối đa không quá 6%/năm tính trên số tiền vay thực tế giải ngân khi tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư; thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm tính từ ngày tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân ký hợp đồng vay vốn; thời gian kết thúc hỗ trợ lãi suất tiền vay chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Các tổ chức, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất, chế biến các sản phẩm áp dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam hoặc công nghệ sinh học gồm: sản phẩm nông nghiệp từ cà phê, ca cao, chè, cao su, hạt tiêu, bông, lạc, đậu nành, ngô lai, rau, hoa, quả, thịt, sữa, cá hồi, cá tầm; sản phẩm công nghiệp từ gỗ rừng trồng quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 1 Quyết định này:

a) Được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định;

b) Được hưởng các chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định hoặc được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay nhưng tối đa không quá 6%/năm tính trên số tiền vay thực tế giải ngân khi cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại

để đầu tư; thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm tính từ ngày cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân ký hợp đồng vay vốn; thời gian kết thúc hỗ trợ lãi suất tiền vay chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển du lịch sinh thái:

a) Gắn việc giao rừng với giao đất theo quy định của Luật Đất đai và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng để chăm sóc, bảo vệ rừng; ưu tiên giao đất gắn với giao rừng cho cộng đồng dân cư, các hộ gia đình và cá nhân sinh sống trên địa bàn;

b) Cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất có trữ lượng giàu, trung bình nhưng đóng cửa rừng) được hưởng tiền khoán chăm sóc, bảo vệ rừng 300.000 đồng/ha/năm;

c) Cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân được giao rừng sản xuất (các loại rừng sau khi quy hoạch lại là rừng sản xuất, nhưng không thuộc loại rừng được khoán chăm sóc, bảo vệ nêu tại điểm b, khoản 3 Điều này) và giao đất để trồng rừng sản xuất theo quy hoạch, được hưởng toàn bộ sản phẩm trên diện tích rừng sản xuất được giao và được hỗ trợ một lần giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất tối đa không quá 15 triệu đồng/ha;

d) Đối với các xã có rừng thì áp dụng hỗ trợ phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% so với mức lương tối thiểu chung cho 01 cán bộ xã tham gia phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác bảo vệ rừng.

4. Các tổ chức, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư phát triển vùng, khu vực chăn nuôi tập trung gắn với thị trường được hưởng các chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định hoặc được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay nhưng tối đa không quá 6%/năm tính trên số tiền vay thực tế giải ngân khi tổ chức, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư; thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm tính từ ngày tổ chức, cộng đồng, nhóm đồng sở thích, hộ gia đình và cá nhân ký hợp đồng vay vốn; thời gian kết thúc hỗ trợ lãi suất tiền vay chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Hỗ trợ hộ nghèo (ngoài các huyện quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và các huyện được hưởng cơ chế, chính sách áp dụng bằng 70% huyện thuộc Chương trình 30a) để nâng cao đời sống đến năm 2020:

a) Hỗ trợ 15 triệu đồng/ha đất khai hoang; 10 triệu đồng/ha đất phục hoá để sản xuất nông nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% tiền vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm;

c) Được hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng văn hóa, đào tạo định hướng (bao gồm cả ăn, ở, đi lại, trang cấp ban đầu, chi phí làm thủ tục và cho vay vốn ưu đãi) theo quy định tại Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù khác

a) Đảm bảo hỗ trợ 100% vốn đầu tư đối với các dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; hỗ trợ không quá 90% tổng mức đầu tư của dự án có mức vốn đền bù, giải phóng mặt bằng lớn hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt *(danh mục dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách trung ương ban hành kèm theo quyết định này)*;

b) Đảm bảo hỗ trợ 100% vốn đầu tư từ ngân sách trung ương đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cấp thôn, buôn, và cấp xã trực tiếp phục vụ sản xuất, lưu trữ, sơ chế, tiêu thụ nông sản do cộng đồng, nhóm đồng sở thích tại chỗ đề xuất, thực hiện và làm chủ đầu tư;

c) Đảm bảo hỗ trợ 100% vốn đối ứng từ ngân sách trung ương đối với các dự án ODA do địa phương trực tiếp quản lý, làm chủ dự án; hiệp định hoặc văn kiện dự án đã được ký với Nhà tài trợ hoặc các địa phương làm đầu mối thanh toán vốn nước ngoài; các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại). Không hỗ trợ vốn đối ứng đối với các dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp và các dự án cho vay lại.

7. Nguồn vốn thực hiện:

Ngân sách Trung ương bảo đảm 100% kinh phí cho những việc gồm: lập quy hoạch nông thôn, các cụm điểm dân cư theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quy hoạch vùng sản xuất, quy hoạch phát triển hạ tầng; hỗ trợ hộ nghèo; hỗ trợ phát triển rừng; cấp bù lãi suất; đầu tư các dự án từ ngân sách trung ương và hỗ trợ vốn đối ứng ODA theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, ngành trong phạm vi, quyền hạn và chức năng quản lý nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả. Cụ thể:

a) Bộ Công thương: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này trong việc lập quy hoạch xây dựng các công trình

phát điện, truyền tải và mua bán điện, quy định cụ thể tiêu chí đầu tư xây dựng thuỷ điện nhỏ, điện mặt trời, điện chạy bằng sức gió, điện chạy bằng năng lượng tái tạo khác được hưởng ưu đãi, công tác khuyến công theo thẩm quyền và các quy định liên quan của ngành phù hợp với điều kiện cụ thể;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc lập quy hoạch phát triển vùng sản xuất; hỗ trợ giống, kỹ thuật, phòng chống dịch bệnh và tiêu thụ sản phẩm; đối tượng và thủ tục được hưởng các hỗ trợ có ứng dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam hoặc công nghệ sinh học, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, chế biến lâm sản, phát triển rừng và các quy định liên quan của ngành phù hợp với điều kiện cụ thể;

c) Bộ Tài nguyên Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc lập và tiếp tục rà soát quy hoạch sử dụng đất, đánh giá tác động môi trường tổng thể đối với việc phát triển các vùng nguyên liệu, vùng sản xuất tập trung; hướng dẫn miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đền bù, giải phóng mặt bằng;

d) Bộ Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các vấn đề liên quan đến chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam hoặc công nghệ sinh học, phát triển năng lượng mới và các tiêu chuẩn của ngành liên quan đến khuyến khích đầu tư công nghệ cao tại Quyết định này;

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chịu trách nhiệm toàn diện chủ trì, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện hỗ trợ lãi suất và cho vay theo quy định tại Quyết định này của các ngân hàng thương mại;

e) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, hướng dẫn các vấn đề liên quan lao động việc làm, hỗ trợ dân sinh và hộ nghèo;

g) Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc thực hiện vay tín dụng ưu đãi; trình tự và thủ tục cấp bù lãi suất, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách Nhà nước; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương hàng năm hỗ trợ cho các Bộ, ngành và địa phương thực hiện Quyết định này;

h) Các Bộ: Quốc phòng, Công An chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị trong ngành thực hiện các nhiệm vụ được giao;

i) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc các Bộ, ngành và địa phương thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương hàng năm hỗ trợ cho các Bộ, ngành và địa phương thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh quy định tại Điều 1 của Quyết định này căn cứ các quy định tại Quyết định này xây dựng và phê duyệt Đề án thực hiện, thẩm định và phê duyệt các dự án thuộc Đề án theo thẩm quyền; xác nhận đối tượng được thụ hưởng chính sách thuộc Quyết định này; chịu trách nhiệm

trước Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; bố trí đủ kinh phí trong tổng mức vốn được phê duyệt.

3. Chế độ báo cáo:

- Định kỳ hàng năm các Bộ, ngành Trung ương theo chức năng nhiệm vụ được giao báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Quyết định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh quy định tại Điều 1 của Quyết định này hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiến độ và kết quả thực hiện Quyết định này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan theo dõi;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiến độ và kết quả thực hiện Quyết định này; chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2013 và áp dụng từ năm ngân sách 201...

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh quy định tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VPBCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- HĐND, UBND các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, (5).